

Số: 133/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 12 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 245/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHTT: Khu M, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi tạm trú và nơi ở hiện nay: Thôn T, xã N, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu M, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L: Bà Hoàng Thị H- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn L.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H, sinh ngày 21/8/2016, kể từ khi ly hôn đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Hà Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị N do chị N tự nguyện không yêu cầu. Anh Hà Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chị Nguyễn Thị Ngọc C các thành viên gia đình không được cản trở.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005256 ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị N được trả lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Hà Văn L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 6- Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

ThHà Tiến Nghị